

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-04-2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia
đình “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Đặng Anh Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, nơi cư trú: tổ 02, ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp An Hoà, xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1972, nơi cư trú: tổ 02, ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bảng tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn U tự tìm hiểu quen biết nhau, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên gia đình tác hợp thành vợ chồng năm 1996, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng cả hai chung sống

hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh khó khăn không có việc làm ổn định nên thường xuyên cự cãi nhau, ông U không lo làm ăn nghe theo bạn bè ăn chơi cờ bạc, nhậu nhẹt say xỉn, mỗi lần nhậu say về kiểm chuyện bạo hành nhiều lần, nên khoảng cuối năm 2012 chị T bỏ đi, ly thân từ đó cho đến nay, từ đó đến nay không liên lạc, và thông tin chị T biết ông U đã có gia đình riêng, mỗi người có cuộc sống riêng. Chị Thẩm yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 10/6/2003 và Trần Quốc Tuấn, sinh ngày 07/9/1997. Cả 2 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn U vắng mặt không có lời trình bày.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chƯu tố thái độ chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông U không quan tâm lo lắng cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T cho ông U nhiều thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng không được nên xin ly hôn, con chung đã trưởng thành không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn U đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của ông không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên, ông Trần Văn U đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn U' tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Bà T cho rằng, ông U' không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho vợ con, giữa ông bà không phù hợp tính tình, mặc dù nhiều lần ông bà tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được và giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, suốt quá trình tố tụng ông U' cũng vắng mặt không có lý do, cho thấy tình cảm giữa vợ, chồng đã trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó để cho ông, bà có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung gồm: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 10/6/2003 và Trần Quốc Tuấn, sinh ngày 07/9/1997. Cả 2 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc, bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn U' và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 10/6/2003 và Trần Quốc Tuấn, sinh ngày 07/9/1997. Cả 2 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu.

Án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm U án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005886 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Trần Văn U không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn U được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Bình Thạnh Đông
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Bảo Ngọc